

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ 11

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	14 - 45

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 1332/QĐ-BXD ngày 17 tháng 08 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 số 0500313811 ngày 11 tháng 9 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp được chuyển đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000212 ngày 21 tháng 9 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 12 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do thay đổi ngành nghề kinh doanh, bổ sung vốn điều lệ và cơ cấu lại các đơn vị trực thuộc.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại : 024 33 545 735
- Fax : 024 33 542 280

Các Đơn vị trực thuộc :

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Sông Đà 11.1 thuộc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Hòa Bình	Xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11.5	Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Miền Nam	Lô 74-76C, KP3, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Nhà Máy thủy điện Thác Trắng	Xã Nà Nhạn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- ✓ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy ngành công nghiệp hóa chất, khai khoáng;
- ✓ Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí;
- ✓ Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết : Bảo trì, bảo dưỡng định kỳ cho các nhà máy điện, trạm biến áp, xử lý sự cố bất thường cho các công trình điện ; tư vấn chuyên ngành thiết kế hệ thống điện – điện tử và tự động hóa ;
- ✓ Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác cát, sỏi, đá làm đường và xây dựng;
- ✓ Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải và dịch vụ du lịch: vận tải hàng hóa đường bộ;
- ✓ Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cơ điện lạnh, điện chiếu sáng của các tòa nhà cao tầng, khu đô thị và khu công nghiệp;
- ✓ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Cung cấp, mua bán, lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy và hệ thống phòng cháy chữa cháy.
- ✓ Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng lắp ráp: Tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và cho các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV;

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- ✓ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Hoạt động kinh doanh bất động sản; Dịch vụ quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng, khu đô thị và nhà cao tầng;
- ✓ Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí, Thiết bị thông gió, làm lạnh hoặc điều hòa không khí ; Lắp đặt hệ thống đường cấp, thoát nước trong nhà hoặc tại các công trình xây dựng khác, kể cả mở rộng, thay đổi, bảo dưỡng, sửa chữa ;
- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ các mặt hàng Nhà nước cấm); Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, phương tiện vận tải cơ giới, phụ tùng cơ giới phục vụ thi công xây dựng và công nghệ xây dựng;
- ✓ Xây dựng công trình thủy
- ✓ Sản xuất bia và manh nha ủ men bia. Chi tiết : Sản xuất và kinh doanh bia (bia tươi, bia hơi, bia chai và bia hộp) ; Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.
- ✓ Xây dựng công trình khai khoáng
- ✓ Xây dựng công trình chế biến chế tạo
- ✓ Xây dựng công trình điện
- ✓ Xây dựng công trình cấp, thoát nước
- ✓ Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc
- ✓ Truyền tải và phân phối điện. Quản lý vận hành hệ thống điện nước cho các công trình ; quản lý vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, nhà máy nước khu công nghiệp và đô thị ; quản lý vận hành kinh doanh bán điện ; Sản xuất, kinh doanh điện thương phẩm
- ✓ Sản xuất điện

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Sơn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 6 năm 2014
Ông Trần Văn Ngự	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 6 năm 2014
Ông Lê Văn Tuấn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 6 năm 2014
Ông Phạm Việt Cường	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 6 năm 2014
Ông Dương Hoài Nam	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 6 năm 2014

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Bà Hà Hồng Nhung	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Tuyết Trinh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2018
Ông Đặng Xuân Thư	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 7 tháng 6 năm 2014
Ông Nguyễn Vũ Hải	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 7 tháng 6 năm 2014

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 6 năm 2014
Ông Phạm Lạp	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 8 tháng 9 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Hữu Hải	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2018

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Văn Tuấn - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 07 tháng 6 năm 2014).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

Ngày 27 tháng 3 năm 2019

Head Office

02 Truong Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: 028. 3. 5472 972 Fax: 028. 3 5472 970 kttv@a-c.com.vn

Branch in Hanoi

40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi
Tel: 024. 3 736 7879 Fax: 024. 3 736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn

Branch in Nha Trang

Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City
Tel: 0258. 2 465 151 Fax: 0258. 2 465 806 kttv.nt@a-c.com.vn

Branch in Can Tho

I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City
Tel: 0292. 3 764 995 Fax: 0292. 3 764 996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0254/19/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2019, từ trang 07 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán này được phát hành lại, thay thế cho Báo cáo kiểm toán số 2.0197/19/TV-AC ngày 21 tháng 03 năm 2019 do trình bày lại một số chỉ tiêu trên số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp phù hợp với Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức – Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1

Trần Kim Anh - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1907-2018-008-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		544.197.680.425	461.880.739.077
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	164.758.969.328	144.234.948.699
1. Tiền	111		91.758.969.328	58.234.948.699
2. Các khoản tương đương tiền	112		73.000.000.000	86.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.249.440.000	550.790.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	2.112.000.000	2.222.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(862.560.000)	(1.671.210.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		289.032.697.494	259.742.782.221
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	206.571.326.283	214.397.220.985
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	27.728.285.636	19.480.218.096
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	34.032.798.508	13.720.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	32.711.286.914	23.580.716.248
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(12.010.999.847)	(11.435.373.108)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		88.123.351.884	53.635.069.639
1. Hàng tồn kho	141	V.8	88.123.351.884	53.635.069.639
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.033.221.719	3.717.148.518
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	276.068.499	150.015.839
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		757.153.220	3.529.986.447
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	-	37.146.232
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		451.169.255.838	344.934.200.720
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.394.047.793	5.403.047.793
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	5.391.547.793	5.391.547.793
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	2.500.000	11.500.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		87.747.970.378	93.572.164.823
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	77.514.033.378	83.338.227.823
Nguyên giá	222		188.174.320.495	185.576.963.914
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(110.660.287.117)	(102.238.736.091)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	10.233.937.000	10.233.937.000
Nguyên giá	228		10.233.937.000	10.233.937.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	425.454.545	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		425.454.545	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		357.107.204.720	245.145.644.720
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	357.107.204.720	245.145.644.720
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		494.578.402	813.343.384
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	494.578.402	813.343.384
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		995.366.936.263	806.814.939.797

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		573.721.381.978	442.144.282.510
I. Nợ ngắn hạn	310		500.723.994.151	374.445.218.220
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	109.021.769.792	59.481.025.075
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	139.833.642.954	102.456.388.353
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	18.558.289.021	20.760.668.752
4. Phải trả người lao động	314		11.479.580.322	10.582.945.824
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	20.408.732.153	10.949.675.682
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		31.500.000	42.500.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	17.523.539.744	49.089.347.025
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	182.026.758.494	118.358.762.373
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19a	-	1.047.970.920
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	1.840.181.671	1.675.934.216
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		72.997.387.827	67.699.064.290
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13b	10.080.706.986	7.985.356.815
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	500.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	62.916.680.841	56.682.744.784
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.19b	-	2.530.962.691
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		421.645.554.285	364.670.657.287
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	421.645.554.285	364.670.657.287
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		115.531.050.000	115.531.050.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115.531.050.000	115.531.050.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		34.366.527.623	34.366.527.623
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		186.497.236.164	154.587.970.079
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		85.250.740.498	60.185.109.585
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	60.185.109.585
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		85.250.740.498	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		995.366.936.263	806.814.939.797

Người lập biểu

Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng

Trần Văn Ngu

Lập, ngày 27 tháng 3 năm 2019

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P. Văn Quán, Q. Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	685.761.539.053	455.467.928.915
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		685.761.539.053	455.467.928.915
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	565.617.104.933	368.905.571.698
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		120.144.434.120	86.562.357.217
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	24.622.077.959	14.142.826.096
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	17.487.392.270	9.581.984.998
Trong đó: chi phí lãi vay	23		14.622.123.663	12.144.766.707
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	39.160.201.331	40.975.149.171
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		88.118.918.478	50.148.049.144
11. Thu nhập khác	31	VI.6	14.977.181.285	41.006.456.880
12. Chi phí khác	32	VI.7	651.614.016	19.045.695.198
13. Lợi nhuận khác	40		14.325.567.269	21.960.761.682
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		102.444.485.747	72.108.810.826
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	17.193.745.249	11.923.701.241
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		85.250.740.498	60.185.109.585
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Người lập biểu

Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng

Trần Văn Ngự

Lập, ngày 27 tháng 3 năm 2019

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		102.444.485.747	72.108.810.826
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10	8.869.656.361	10.482.054.912
- Các khoản dự phòng	03		(3.620.626.359)	(47.236.222.018)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	(7.259)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(24.371.360.091)	(13.170.741.721)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	14.622.123.663	12.144.766.707
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		97.944.272.062	34.328.668.706
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.828.382.229)	(24.202.537.649)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(34.488.282.245)	31.536.096.878
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		62.724.221.853	37.720.058.583
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		192.712.322	(119.829.424)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	V.2a	110.000.000	12.254.266.000
- Tiền lãi vay đã trả	14		(14.130.143.402)	(11.595.669.495)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(15.230.572.442)	(8.501.286.829)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.539.454.545)	(1.524.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		88.754.371.374	69.894.866.770
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.470.916.461)	(17.820.241.076)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.6	227.272.727	719.090.910
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(25.012.798.508)	(150.270.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.700.000.000	137.050.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(111.961.560.000)	(34.976.240.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	5.407.590.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		24.047.375.035	13.147.400.811
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(111.470.627.207)	(46.742.399.355)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	410.279.877.227	300.466.228.290
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(340.377.945.049)	(324.868.746.132)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(26.661.662.975)	(22.891.738.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		43.240.269.203	(47.294.256.342)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		20.524.013.370	(24.141.788.927)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	144.234.948.699	168.376.737.626
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		7.259	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	164.758.969.328	144.234.948.699

Lập, ngày 27 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngu

Lê Văn Tuấn



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp và sản xuất điện thương phẩm.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông, bưu điện; Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình; Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí, quản lý và kinh doanh bán điện; Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyên công nghệ có cấp điện áp đến 500KV; Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	BT3-Vị trí 24, KĐT Xa La, phường Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	Xây dựng công trình điện	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông	Bản Tin Tốc, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	Sản xuất điện thương phẩm	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn	Số nhà 182, đường Trần Hưng Đạo, tổ 5, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang	Sản xuất điện thương phẩm	56,71%	56,71%	56,71%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoa	138 Tôn Đức Thắng, Phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Sản xuất điện thương phẩm	65,10%	65,10%	65,10%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Gle	Làng Đắc Nhoong, xã Đắc Nhoong, huyện Đắc Gle, tỉnh Kon Tum	Sản xuất điện thương phẩm	89,9%	89,9%	89,9%
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời	Nha Mé, Xã Phong Phú, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	95%	98,4%	98,4%

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Sông Đà 11.1 thuộc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Hòa Bình	Xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11.5	Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Miền Nam	Lô 74-76C, KP3, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Nhà Máy thủy điện Thác Trắng	Xã Nà Nhạn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. **Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 638 cán bộ nhân viên đang làm việc, trong đó lao động thời vụ là 128 (số đầu năm là 788 nhân viên, trong đó lao động thời vụ là 297).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P. Văn Quán, Q. Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

+ Đối với công trình đầu thầu, Công ty xác định được giá thành nội bộ:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Giá vốn} \\ \text{kinh doanh dở dang} & = & \text{kinh doanh dở dang} & + & \text{kinh doanh phát sinh} & - & \text{hàng bán} \\ \text{cuối năm} & & \text{đầu năm} & & \text{trong năm} & & \text{trong năm} \end{array}$$

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Trong đó:

$$\text{Giá vốn hàng bán trong năm} = \frac{\text{Giá thành nội bộ}}{\text{Tổng doanh thu}} \times \text{Doanh thu ghi nhận trong năm}$$

+ Đối với các công trình khác

$$\begin{array}{cccccc} \text{Chi phí sản xuất kinh doanh} & = & \text{Giá trị sản lượng dở dang cuối năm} & - & \text{Thu nhập chịu thuế tính trước} & - & \text{Các khoản phụ phí (nếu có)} & - & \text{Chi phí quản lý ước tính} & - & \text{Lãi vay ước tính (nếu có)} \end{array}$$

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ, chi phí sửa chữa văn phòng. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa văn phòng

Chi phí sửa chữa văn phòng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 2 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc và thiết bị	3 – 8

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

Riêng máy móc thiết bị của nhà máy thủy điện Thác Trắng được khấu hao theo phương pháp sản lượng.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.047.471.135	445.770.036
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	90.711.498.193	57.789.178.663
Các khoản tương đương tiền	73.000.000.000	86.000.000.000
<i>Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>	<i>73.000.000.000</i>	<i>86.000.000.000</i>
Cộng	164.758.969.328	144.234.948.699

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư vào công ty con. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	315.000.000			425.000.000		
Công ty Cổ phần Sông Đà - Hà Nội	1.797.000.000	934.440.000	(862.560.000)	1.797.000.000	125.790.000	(1.671.210.000)
Cộng	2.112.000.000	934.440.000	(862.560.000)	2.222.000.000	125.790.000	(1.671.210.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh:

- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7: giảm do các cá nhân ủy thác bán 11.000 cổ phiếu.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.671.210.000	1.930.459.635
Trích lập dự phòng bổ sung		53.910.000
Hoàn nhập dự phòng	808.650.000	(313.159.635)
Số cuối năm	862.560.000	1.671.210.000

2b. Đầu tư vào công ty con

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá gốc</u>
	<u>Dự phòng</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 11 - Thăng Long ⁽ⁱ⁾	47.381.773.480	47.381.773.480
Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông ⁽ⁱⁱ⁾	57.250.000.000	57.250.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn ⁽ⁱⁱⁱ⁾	35.594.689.000	35.594.689.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoà ^(iv)	66.942.942.240	66.942.942.240
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Glei ^(v)	58.435.000.000	20.774.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư điện Mặt Trời ^(vi)	91.502.800.000	17.202.240.000
Cộng	357.107.204.720	245.145.644.720

- (i) Trong năm 2013, Công ty hoàn thành sáp nhập Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long và tổ chức lại thành Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long do Công ty Cổ phần Sông Đà 11 làm chủ sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0106408857 ngày 31 tháng 12 năm 2013. Vốn điều lệ của Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long là 50.000.000.000 VND. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ hai ngày 14 tháng 5 năm 2015 Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 VND lên 70.000.000.000 VND.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500378582, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông 56.000.000.000 VND, tương đương 70% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 5.600.000 cổ phiếu, tương đương 70% vốn thực góp của Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông.
- (iii) Trong năm 2015 Công ty đã mua 3.548.576 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn với giá mua là 35.594.689.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 3.548.576 cổ phiếu, tương đương 56,71% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (iv) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 5.407.590 cổ phiếu, tương đương 65,1% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6101207604, ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Glei do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Glei 42.250.000.000 VND, tương đương 65% vốn điều lệ. Theo Nghị quyết của HĐQT Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tăng vốn góp vào Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Glei lên đến 58.435.000.000 VND, tương đương 89,9% Vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ số vốn điều lệ theo cam kết.
- (vi) Theo quyết định số 78/QĐ-HĐQT ngày 29 tháng 8 năm 2018, Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt góp vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời năm 2018 số tiền 70.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã sở hữu 8.086.000 cổ phần, tương đương 98,36% vốn thực góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt Trời.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Công ty Cổ phần Đầu tư điện Mặt Trời mới thành lập, đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Glei đã kết thúc giai đoạn đầu tư và đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong tháng 12 năm 2018. Các công ty con khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông		
Doanh thu cung cấp dịch vụ xây lắp cho Công ty con (giảm doanh thu do cắt giảm khối lượng quyết toán công trình)	(623.195.836)	33.015.304.581
Doanh thu bán vật tư cho Công ty con	3.054.545	12.180.000
Cho công ty con vay	-	144.670.000.000
Lãi vay phải thu	491.137.018	1.430.790.210
Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 11 - Thăng Long		
Giao dịch bán hàng		
Doanh thu bán vật tư	32.151.888.127	3.154.204.133
Doanh thu xây dựng	18.420.337.886	
Doanh thu điện nước, bảo vệ	106.204.452	
Thu phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	403.033.941	292.837.632
Phí bảo hiểm	95.497.901	
Giao dịch mua hàng		
Chi phí xây lắp hoàn thành	124.237.806.823	26.277.067.313
Mua trụ sở của công ty con	-	14.090.909.091

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P. Văn Quán, Q. Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi phí mua máy kéo, máy bơm	-	2.319.554.232
<i>Giao dịch khác</i>	-	
Cho công ty con vay	11.125.400.000	2.250.000.000
Lãi vay phải thu	188.870.995	63.394.167

Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoà

Vay Đắc Đoà	34.400.000.000	32.478.906.943
Lãi vay phải trả Đắc Đoà	884.376.673	918.144.290
Cổ tức phải thu	20.548.842.000	5.407.590.000

Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Lẻ

Doanh thu cung cấp dịch vụ xây lắp	104.875.744.516	
Doanh thu bán vật tư, bảo hộ lao động	8.938.628	10.114.000
Doanh thu bán lịch	3.272.727	
Chi phí điện phải trả	324.083.933	
Tiền nhiên liệu máy phát	108.979.873	
Cho công ty con vay		1.000.000.000
Lãi vay phải thu	26.000.000	47.916.666
Góp vốn điều lệ bằng tiền	37.661.000.000	17.774.000.000

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt Trời

Doanh thu bán vật tư	10.068.843	
Doanh thu hoạt động xây dựng	86.161.385.086	
Doanh thu thanh lý tài sản cố định	227.272.727	
Cho công ty con vay	13.887.398.508	1.350.000.000
Lãi vay phải thu	427.544.209	
Góp vốn điều lệ bằng tiền	70.000.000.000	17.202.240.000

3. Phải thu của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>105.908.422.230</i>	<i>83.514.764.151</i>
Tổng Công ty Sông Đà	65.183.025.036	67.524.678.776
Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 11 - Thăng Long	8.377.248.614	-
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bùng	3.240.686.239	15.931.043.309
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Gle	1.531.559.939	59.042.066
Công ty Cổ phần Đầu tư điện Mặt Trời	27.575.902.402	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>100.662.904.053</i>	<i>130.882.456.834</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Nho Quế 1	2.500.000.000	5.792.458.830
BQL Dự án các Công trình điện Miền Bắc	2.468.380.338	33.299.579.856
BQL Dự án các Công trình điện Miền Nam	37.236.247.561	12.924.168.413
BQL Dự án các Công trình điện Miền Trung	4.620.833.911	29.926.401.434
Công ty Cổ phần Cơ khí Thiết bị điện Hà Nội	2.440.279.094	2.440.279.094
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	1.910.972.115	9.622.165.225

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Điện lực Hưng Yên	-	7.979.055.009
Công ty TNHH Cảng công ten no quốc tế Hải Phòng	24.981.000.794	
Công ty Phát triển Thủy điện Sê San	6.511.422.500	
Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng	5.859.912.771	
Các khách hàng khác	12.133.854.969	28.898.348.973
Cộng	206.571.326.283	214.397.220.985

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

Là số phải thu Tổng công ty Sông Đà (bên liên quan)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	4.976.504.282	17.156.734.401
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	4.976.504.282	17.156.734.401
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	22.751.781.354	2.323.483.695
Công ty TNHH MTV Hùng Việt Phát Na	2.506.305.342	318.982.700
Công ty Cổ phần Việt Vương	4.559.931.964	
Công ty TNHH Chế tạo cột thép Đông Anh	4.997.194.355	
Zhejiang Chint Electrics Co.,ltd	3.544.530.000	
Công ty Cổ phần Entec kỹ thuật năng lượng	1.834.776.213	
Các nhà cung cấp khác	5.309.043.480	2.004.500.995
Cộng	27.728.285.636	19.480.218.096

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là khoản cho các công ty con vay lãi suất 6,35%/ năm, thời hạn 12 tháng.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	34.032.798.508	13.720.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông	6.920.000.000	10.620.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đak Glei		1.000.000.000
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	11.875.400.000	750.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư điện Mặt Trời	15.237.398.508	1.350.000.000
Cộng	34.032.798.508	13.720.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**6. Phải thu khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	24.347.000		1.953.535.592	
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11				
Thăng Long		-	1.698.738.592	
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời		-	200.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông	24.347.000		54.797.000	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	32.686.939.914		21.627.180.656	
Tạm ứng	12.638.963.807		12.818.817.120	
Phải thu của CBCNV	416.767.280		620.389.811	
Phải thu các đội công trình	877.829.224		880.283.963	
Phải thu tiền đền bù GPMB chi hộ chủ đầu tư	10.125.370.418		2.866.055.492	
Thuế GTGT chưa được khấu trừ	225.164.797		219.850.424	
Ký cược, ký quỹ	1.505.322.867		2.427.282.745	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6.897.521.521		1.794.501.101	
Cộng	32.711.286.914		23.580.716.248	

6b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

7. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Các bên liên quan	16.133.651.691	11.649.701.044	16.133.651.691	5.671.100.180
Tổng Công ty Sông Đà	16.133.651.691	11.649.701.044	16.133.651.691	5.671.100.180
Dưới 1 năm	-	-	14.946.502.158	4.483.950.647
Từ 2 đến 3 năm	14.946.502.158	10.462.551.511	-	-
Trên 3 năm	1.187.149.533	1.187.149.533	1.187.149.533	1.187.149.533
Các tổ chức và cá nhân khác	361.298.803	361.298.803	13.352.497.832	5.764.272.928
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh		-	9.622.165.225	4.063.231.750
Dưới 1 năm			3.739.254.314	1.121.776.295
Từ 1 đến dưới 2 năm			5.882.910.911	2.941.455.455
BQL DA phát triển điện lực			3.436.963.736	1.448.487.651
Dưới 1 năm			1.349.971.085	404.991.326
Từ 1 đến dưới 2 năm			2.086.992.651	1.043.496.326
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	361.298.803	361.298.803	293.368.871	252.553.527
Cộng	16.494.950.494	12.010.999.847	29.486.149.523	11.435.373.108

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	11.435.373.108	31.550.267.520
Trích lập dự phòng bổ sung	8.566.606.334	7.403.668.625
Hoàn nhập dự phòng	(7.799.649.082)	(9.137.560.843)
Giảm do xóa nợ	(191.330.513)	(18.381.002.194)
Số cuối năm	12.010.999.847	11.435.373.108

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	14.755.414.933		8.093.108.118	
Công cụ, dụng cụ	658.718.393		1.132.678.071	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	72.709.218.558		44.409.283.450	
Cộng	88.123.351.884		53.635.069.639	

9. Chi phí trả trước ngắn/dài hạn

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	265.086.832	150.015.839
Chi phí bảo hiểm xe	4.981.667	
Chi phí thuê nhà	6.000.000	
Cộng	276.068.499	150.015.839

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa văn phòng, nhà làm việc	353.518.111	175.444.394
Chi phí khoan phun hầm dẫn	-	282.848.623
Công cụ dụng cụ	141.060.291	355.050.367
Cộng	494.578.402	813.343.384

10. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<i>Nguyên giá</i>					
Số đầu năm	86.666.042.683	79.363.174.497	18.583.575.352	964.171.382	185.576.963.914
Mua trong năm		2.997.661.916		47.800.000	3.045.461.916
Thanh lý, nhượng bán			(448.105.335)		(448.105.335)
Số cuối năm	86.666.042.683	82.360.836.413	18.135.470.017	1.011.971.382	188.174.320.495
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.909.762.956	25.619.513.576	15.964.140.890	548.420.909	44.041.838.331
Chờ thanh lý		30.000.000		304.709.091	334.709.091

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền đẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Giá trị hao mòn</i>					
Số đầu năm	34.492.215.706	49.384.978.523	17.683.535.611	678.006.251	102.238.736.091
Khấu hao trong năm	3.739.694.020	4.557.250.052	430.106.137	142.606.152	8.869.656.361
Thanh lý, nhượng bán			(448.105.335)		(448.105.335)
Số cuối năm	38.231.909.726	53.942.228.575	17.665.536.413	820.612.403	110.660.287.117
<i>Giá trị còn lại</i>					
Số đầu năm	52.173.826.977	29.978.195.974	900.039.741	286.165.131	83.338.227.823
Số cuối năm	48.434.132.957	28.418.607.838	469.933.604	191.358.979	77.514.033.378

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định có giá trị còn lại là 64.336.048.953 VND đang được thế chấp cho các khoản vay trung và dài hạn tại các ngân hàng.

11. Tài sản cố định vô hình

Là quyền sử dụng đất không thời hạn nên không trích khấu hao.

Trong đó, quyền sử dụng đất tại địa chỉ BT03 – VT24 – Khu Đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội có giá trị theo sổ sách là 9.747.317.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Láng Hạ.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí lập Báo cáo cơ hội đầu tư xây dựng, lập hồ sơ điều chỉnh bổ sung Công trình Nhà máy điện Mặt Trời tại Phú Yên.

13. Phải trả người bán

13a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	17.888.937.618	20.695.446.113
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	17.801.687.277	20.460.380.080
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa	-	235.066.033
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Glei	87.250.341	
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	91.132.832.174	38.785.578.962
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	2.581.017.120	2.581.017.120
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	391.907.412	391.907.412
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Khánh Hưng	126.984.291	910.299.347
Công ty Cổ phần Thành Long	3.264.445.183	4.633.508.030
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	3.116.794.742	3.116.794.742
Công ty TNHH MTV Hùng Việt Phát Na	5.167.374.978	
Các nhà cung cấp khác	76.484.308.449	27.152.052.311
Cộng	109.021.769.792	59.481.025.075

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

13b. Phải trả người bán dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	2.703.285.051	-
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	2.703.285.051	
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	7.377.421.935	7.985.356.815
Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn & Cơ khí Bình Dương		607.934.880
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	1.955.853.524	1.955.853.524
Công ty Cổ phần Thành Long	1.958.667.410	1.958.667.410
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hanaka	1.444.875.265	1.444.875.265
Công ty TNHH Cấp điện lực Kevil Việt Nam	1.444.875.247	1.444.875.247
Các nhà cung cấp khác	573.150.488	573.150.488
Cộng	10.080.706.986	7.985.356.815

13c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	47.115.831.599	59.627.483.512
Tổng Công ty Sông Đà	5.912.115.456	18.309.740.370
Công ty Cổ phần Thủy điện Đak Glei	-	41.317.743.142
Công ty Cổ phần Đầu tư điện Mặt Trời	41.203.716.143	
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	92.717.811.355	42.828.904.841
BQL Dự án các công trình điện Miền Nam	14.123.735.613	22.290.215.263
BQL Dự án các công trình điện Miền Bắc	18.582.553.847	1.311.310.966
BQL Dự án các công trình điện Miền Trung	37.129.737.014	17.000.000.000
BQL Dự án phát triển điện lực	16.383.304.048	-
Các khách hàng khác	6.498.480.833	2.227.378.612
Cộng	139.833.642.954	102.456.388.353

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	7.596.101.935	-	16.438.884.863	(18.822.383.927)	5.212.602.871
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.675.387.803	-	17.193.745.249	(15.230.572.442)	12.638.560.610
Thuế thu nhập cá nhân	100.096.422	37.146.232	1.277.299.050	(1.186.826.712)	153.422.528
Thuế tài nguyên	330.585.408	-	2.161.428.592	(2.271.717.229)	220.296.771
Thuế bảo vệ môi trường	67.204.560	-	383.035.940	(381.951.540)	68.288.960
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Các khoản phải nộp khác	124.715.524	-	1.094.303.652	(953.901.895)	265.117.281
Phí cấp quyền khai thác	1.866.577.100	-	1.399.932.824	(3.266.509.924)	-
Cộng	20.760.668.752	37.146.232	39.951.630.170	(42.116.863.669)	18.558.289.021

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- | | |
|--|-----|
| - Hoạt động xây lắp, điện thương phẩm, đá thành phẩm, vật tư | 10% |
| - Hoạt động cung cấp nước sạch | 5% |

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 3758 ngày 07 tháng 06 năm 2005 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN cho dự án đầu tư mở rộng tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (Dự án đầu tư công trình Thủy điện Thác Tráng). Công ty áp dụng ưu đãi thuế theo điểm 6, điều 36 Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp: Dự án đầu tư thuộc ngành nghề, lĩnh vực quy định tại Danh mục B Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 09 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư và thực hiện tại địa bàn quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Đồng thời theo quy định tại thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2012 quy định về thời điểm bắt đầu miễn, giảm thuế, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ nhà máy thủy điện Thác Tráng trong 04 năm kể từ năm 2009 đến năm 2012 và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 07 năm tiếp theo (từ năm 2013 đến năm 2019).

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	102.444.485.747	72.108.810.826
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	747.614.016	155.837.929
- Các khoản điều chỉnh giảm	747.614.016	505.837.929
	-	(350.000.000)
Thu nhập chịu thuế	103.192.099.763	72.264.648.755
Thu nhập được miễn thuế	(20.548.842.000)	(7.092.591.200)
Lỗ các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	82.643.257.763	65.172.057.555
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	<i>16.528.651.553</i>	<i>13.034.411.511</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm</i>	<i>(1.135.888.770)</i>	<i>(1.567.488.441)</i>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	<i>1.800.982.466</i>	<i>456.778.171</i>
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	17.193.745.249	11.923.701.241

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp của từng hoạt động trong năm nay như sau:

	Các hoạt động khác	Nhà máy thủy điện Thác Trắng	Tổng cộng
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	91.192.661.102	11.251.824.645	102.444.485.747
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	640.550.967	107.063.049	747.614.016
- Các khoản điều chỉnh tăng	640.550.967	107.063.049	747.614.016
<i>Tiền phạt thuế, BHXH</i>	<i>506.550.967</i>	<i>107.063.049</i>	<i>613.614.016</i>
<i>Phạt hành chính</i>	<i>38.000.000</i>		<i>38.000.000</i>
<i>Thù lao HĐQT không điều hành</i>	<i>96.000.000</i>		<i>96.000.000</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-	-
Thu nhập chịu thuế	91.833.212.069	11.358.887.694	103.192.099.763
Thu nhập được miễn thuế	(20.548.842.000)		(20.548.842.000)
Thu nhập tính thuế	71.284.370.069	11.358.887.694	82.643.257.763
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%	
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	14.256.874.014	2.271.777.539	16.528.651.553
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm		(1.135.888.770)	(1.135.888.770)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	14.256.874.014	1.135.888.769	15.392.762.783
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	1.800.982.466		1.800.982.466
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	16.057.856.480	1.135.888.769	17.193.745.249

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá nguyên liệu với mức 10% giá tính thuế đơn vị tài nguyên (x) sản lượng đá khai thác trong kỳ; cho hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng để sản xuất thủy điện với mức 5% giá tính thuế đơn vị tài nguyên (x) sản lượng điện tiêu thụ trong kỳ. Giá tính thuế đơn vị tài nguyên nước thiên nhiên dùng để sản xuất thủy điện do Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) ban hành cho từng thời kỳ.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	20.408.732.153	10.949.675.682
Trích trước chi phí công trình	19.290.956.444	10.137.744.878
Chi phí lãi vay phải trả	1.117.775.709	811.930.804
Cộng	20.408.732.153	10.949.675.682

17. Phải trả khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	186.135.356	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa - Lãi vay phải trả	186.135.356	
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	17.337.404.388	49.089.347.025
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	-	297.701.443
Kinh phí công đoàn	481.119.982	349.434.505
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	145.416.320
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	509.072.948	598.594.423
Tiền ủy thác góp vốn của CBNV	315.000.000	425.000.000
Phải trả các đối tiền khoán công trình	9.112.947.364	28.095.422.794
BQL DA các công trình điện Miền Bắc	504.858.137	14.137.418.337
BQL DA các công trình điện Miền Nam	1.363.371.065	202.131.874
Phải trả khác	5.051.034.892	4.838.227.329
Cộng	17.523.539.744	49.089.347.025

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay ngắn hạn/dài hạn**18a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>		20.178.906.943
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa ⁽ⁱ⁾	-	20.178.906.943
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng ⁽ⁱⁱ⁾</i>	175.422.298.341	92.439.855.430
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	90.990.172.029	3.965.167.846
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	28.886.641.088	49.607.699.898
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ	50.548.290.869	38.866.987.686
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	4.997.194.355	
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)</i>	6.604.460.153	5.740.000.000
Cộng	182.026.758.494	118.358.762.373

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Vay Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 5,3%/ năm, thời hạn vay 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (ii) Các khoản vay Ngân hàng để bổ sung vốn lưu động với lãi suất thay đổi từ 5,3% đến 6,35% theo từng thời kỳ, từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay không quá 12 tháng, không có tài sản đảm bảo. Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn các bên liên quan	20.178.906.943	13.100.000.000	-	(33.278.906.943)	-
Vay ngắn hạn ngân hàng	92.439.855.430	383.061.618.320		(300.079.175.409)	175.422.298.341
Vay dài hạn đến hạn trả	5.740.000.000		6.604.460.153	(5.740.000.000)	6.604.460.153
Cộng	118.358.762.373	396.161.618.320	6.604.460.153	(339.098.082.352)	182.026.758.494

18b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn bên liên quan</i>	12.100.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ ⁽ⁱ⁾	12.100.000.000	
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	50.816.680.841	56.682.744.784
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hà Tây ⁽ⁱⁱ⁾	941.680.841	782.882.087
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Bắc Hà		1.279.862.697
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Gia Lai ⁽ⁱⁱⁱ⁾	42.675.000.000	46.220.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ ^(iv)	7.200.000.000	8.400.000.000
Cộng	62.916.680.841	56.682.744.784

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn

- (i) Khoản vay Công ty Cổ phần thủy điện Đắc Đoạ theo Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 09/2018/SDD11 – HPD ngày 01 tháng 10 năm 2018 với lãi suất cho vay trong hạn 5,3%. Mục đích vay phục vụ sản xuất kinh doanh. Số tiền vay được hoàn trả 01 lần vào ngày đến hạn của khoản vay.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐTD ngày 14/5/2014, thời hạn vay 60 tháng, vay để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư nâng cao năng lực xe máy thiết bị phục vụ thi công xây lắp và hợp đồng tín dụng số 02/2015/177782/HĐTD ngày 08/06/2015, thời hạn vay 60 tháng, vay để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư nâng cao năng lực xe máy thiết bị phục vụ thi công xây lắp năm 2015. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải hình thành từ dự án và tín chấp bằng năng lực tài chính của Công ty và các nguồn thu hợp pháp khác mà Công ty là người hưởng thụ.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai theo Hợp đồng Tín dụng theo dự án đầu tư số 36/16/NHNT ngày 28 tháng 12 năm 2016 với lãi suất cố định 7,6%/năm áp dụng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay để hoàn vốn một phần chi phí đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Thác Trắng (6MW). Khoản vay được đảm bảo bằng việc

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

thể chấp Công trình Nhà máy Thủy điện Thác Trắng, kể cả nhưng không bị giới hạn bởi đập, cửa lấy nước, hầm dẫn nước, tháp điều áp, nhà máy, kênh xả, khu nhà quản lý vận hành, trạm biến áp, trạm cắt và đường dây 35Kv, đường giao thông và các công cụ, máy móc, thiết bị gắn liền với Nhà máy thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Sông Đà 11, theo Hợp đồng thế chấp Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 36/16/NHNT ngày 28 tháng 12 năm 2016.

- (iv) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ theo Hợp đồng Tín dụng số 1400LAV201701034/HĐTĐ ngày 24 tháng 7 năm 2017 với lãi suất thả nổi có điều chỉnh được trả vào ngày 20 hàng tháng. Thời hạn vay 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay để bù đắp một phần chi phí đã bỏ ra để mua trụ sở làm việc tại vị trí BT03 vị trí 24 khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Số tiền vay được hoàn trả 06 tháng/lần, thanh toán lần đầu vào ngày 20 tháng 02 năm 2018. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất tại địa chỉ BT03 - VT24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, theo Hợp đồng thế chấp ngày 10 tháng 8 năm 2017.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	6.604.460.153	5.740.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	40.601.680.841	36.012.744.784
Trên 5 năm	22.315.000.000	20.670.000.000
Cộng	<u>69.521.140.994</u>	<u>62.422.744.784</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	21.300.000.000
Số tiền vay phát sinh	(9.200.000.000)
Số tiền vay đã trả	<u>12.100.000.000</u>
Số cuối năm	

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	56.682.744.784
Số tiền vay phát sinh	2.018.258.907
Số tiền vay đã trả	(1.279.862.697)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(6.604.460.153)
Số cuối năm	<u>50.816.680.841</u>

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

19. Dự phòng phải trả

19a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến bảo hành công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.047.970.920	4.708.562.688
Tăng do kết chuyển	722.623.009	1.047.970.920
Số hoàn nhập	(1.770.593.929)	(4.708.562.688)
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>1.047.970.920</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**19b. Dự phòng phải trả dài hạn**

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến bảo hành công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.530.962.691	38.733.349.513
Tăng do trích lập	532.969.969	383.256.488
Kết chuyển sang dự phòng phải trả ngắn hạn	(722.623.009)	(1.047.970.920)
Số hoàn nhập	(2.341.309.651)	(35.537.672.390)
Số cuối năm	-	2.530.962.691

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	1.011.923.598	601.851.000	(154.200.000)	1.459.574.598
Quỹ phúc lợi	664.010.618	601.851.000	(885.254.545)	380.607.073
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành		500.000.000	(500.000.000)	-
Cộng	1.675.934.216	1.703.702.000	(1.539.454.545)	1.840.181.671

21. Vốn chủ sở hữu**21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	115.531.050.000	34.366.527.623	127.652.984.979	40.019.543.062	317.570.105.664
Lợi nhuận trong năm				60.185.109.585	60.185.109.585
Trích lập các quỹ			26.934.985.100	(28.466.438.062)	(1.531.452.962)
Chia cổ tức				(11.553.105.000)	(11.553.105.000)
Số dư cuối năm trước	115.531.050.000	34.366.527.623	154.587.970.079	60.185.109.585	364.670.657.287
Số dư đầu năm nay	115.531.050.000	34.366.527.623	154.587.970.079	60.185.109.585	364.670.657.287
Lợi nhuận trong năm				85.250.740.498	85.250.740.498
Trích lập các quỹ			31.909.266.085	(33.612.968.085)	(1.703.702.000)
Chia cổ tức				(26.572.141.500)	(26.572.141.500)
Số dư cuối năm nay	115.531.050.000	34.366.527.623	186.497.236.164	85.250.740.498	421.645.554.285

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước (Tổng Công ty Sông Đà)	31.030.000.000	31.030.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	84.501.050.000	84.501.050.000
Thặng dư vốn cổ phần	34.366.527.623	34.366.527.623
Cộng	149.897.577.623	149.897.577.623

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

21c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu phổ thông	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu phổ thông	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

21d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018 như sau:

	VND
• Chia cổ tức	: 26.572.141.500
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 31.909.266.085
• Trích quỹ khen thưởng	: 601.851.000
• Trích quỹ phúc lợi	: 601.851.000
• Trích quỹ thưởng Ban điều hành công ty	: 500.000.000

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

22a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 75,56 USD (số đầu năm là 88,76 USD).

22b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
Công ty Cổ phần Cơ khí Thiết bị Điện Hà Nội	12.156.428.764	12.156.428.764	Công nợ lâu ngày, không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Linh Linh	1.261.738.423	1.261.738.423	Công nợ lâu ngày, không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	1.326.185.000	1.326.185.000	Công nợ lâu ngày, không có khả năng thu hồi
Các đối tượng khác	5.155.896.950	4.964.566.437	Công nợ lâu ngày, không có khả năng thu hồi
Cộng	19.900.249.137	19.708.918.624	

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện thương phẩm	18.246.669.776	25.861.160.202
Doanh thu hợp đồng xây dựng	621.323.917.521	406.105.656.008
Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	46.190.951.756	23.501.112.705
Cộng	685.761.539.053	455.467.928.915

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán điện thương phẩm	5.963.413.701	8.127.458.427
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	516.123.942.417	343.783.912.886
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	43.529.748.815	16.994.200.385
Cộng	565.617.104.933	368.905.571.698

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	2.520.943.819	3.907.970.677
Lãi tiền cho vay	1.133.552.222	1.721.774.685
Cổ tức, lợi nhuận được chia	20.548.842.000	6.865.321.200
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.705.977	1.736.675
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	-	1.160.646.500
Phí ủy thác đầu tư	11.000.000	159.750.000
Phí bảo lãnh	403.033.941	325.626.359
Cộng	24.622.077.959	14.142.826.096

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	14.622.123.663	12.144.766.707
Phí bảo lãnh	3.603.309.245	2.984.834.215
Phí cam kết tín dụng	69.245.000	70.339.535
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.357.103	21.021
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	7.259	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(808.650.000)	(5.639.351.210)
Chi phí tài chính khác	-	21.374.730
Cộng	17.487.392.270	9.581.984.998

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	22.906.117.176	25.830.889.657
Chi phí vật liệu quản lý	2.064.385.570	1.891.557.612
Chi phí đồ dùng văn phòng	717.196.723	766.576.703
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.873.079.065	2.019.265.882
Thuế, phí và lệ phí	362.997.607	308.054.835
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	766.957.252	(1.733.892.218)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.106.542.951	3.190.393.352
Các chi phí khác	7.362.924.987	8.702.303.348
Cộng	39.160.201.331	40.975.149.171

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	227.272.727	719.090.910
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	4.111.903.580	40.246.235.078
Hoàn nhập giá trị công trình không bị giảm trừ khi quyết toán	10.638.004.976	
Thu nhập khác	2	41.130.892
Cộng	14.977.181.285	41.006.456.880

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt chậm nộp BHXH, phạt thuế	613.614.016	361.569.194
Điều chỉnh giảm do quyết toán	-	18.309.740.370
Xử lý vật tư bị mất	-	48.268.735
Chi phí khác	-	326.116.899
Phạt hành chính	38.000.000	
Cộng	651.614.016	19.045.695.198

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	93.242.427.721	99.089.389.043
Chi phí nhân công	179.254.428.629	156.173.015.255
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.869.656.361	8.639.055.851
Chi phí dịch vụ mua ngoài	292.742.386.181	101.201.275.523
Chi phí khác	58.668.600.818	20.954.641.104
Cộng	632.777.499.710	386.057.376.776

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thưởng	2.062.539.318	2.461.126.364
Thù lao	192.000.000	192.000.000
Cộng	2.254.539.318	2.653.126.364

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng công ty Sông Đà	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Glei	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời	Công ty con
Các công ty con của Tổng công ty Sông Đà	Công ty con của Cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty không phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.12 và V.13.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc bù trừ công nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Thực hiện thi công các công trình điện.
- Lĩnh vực khác: Bán điện thương phẩm, cung cấp điện nước tại các công trình, kinh doanh bán đá và cung cấp các dịch vụ khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực thủy điện	Lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	621.323.917.521	18.246.669.776	46.190.951.756	685.761.539.053
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	621.323.917.521	18.246.669.776	46.190.951.756	685.761.539.053
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	105.199.975.104	12.283.256.075	2.661.202.941	120.144.434.120
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(39.160.201.331)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				80.984.232.789
Doanh thu hoạt động tài chính				24.622.077.959
Chi phí tài chính				(17.487.392.270)
Thu nhập khác				14.977.181.285
Chi phí khác				(651.614.016)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(17.193.745.249)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				85.250.740.498
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	2.929.383.730	86.028.392	217.969.410	3.233.381.532
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	8.675.475.282	254.776.177	645.524.247	9.575.775.706
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực thủy điện	Lĩnh vực khác	Cộng
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	406.105.656.008	25.861.160.202	23.501.112.705	455.467.928.915
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	406.105.656.008	25.861.160.202	23.501.112.705	455.467.928.915
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	62.321.743.122	17.733.701.775	6.506.912.320	86.562.357.217
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(40.975.149.171)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				45.587.208.046
Doanh thu hoạt động tài chính				14.142.826.096
Chi phí tài chính				(9.581.984.998)
Thu nhập khác				41.006.456.880
Chi phí khác				(19.045.695.198)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(11.923.701.241)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				60.185.109.585
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	8.483.830.044	540.257.651	490.954.615	9.515.042.310
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	(10.383.886.594)	(661.254.899)	(600.909.851)	(11.646.051.344)
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P. Văn Quán, Q. Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực thủy điện	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	395.109.767.810	43.673.114.271		438.782.882.081
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				556.584.054.182
Tổng tài sản				995.366.936.263
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	298.478.244.907	261.828.393		298.740.073.300
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				274.981.308.678
Tổng nợ phải trả				573.721.381.978
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	341.667.390.178	48.068.317.273		389.735.707.451
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				417.079.232.346
Tổng tài sản				806.814.939.797
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	235.419.730.394	339.430.383		235.759.160.777
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				206.385.121.733
Tổng nợ phải trả				442.144.282.510

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Thực hiện Nghị quyết số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Đại hội đồng cổ đông về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn. Ngày 28 tháng 12 năm 2018, Công ty đã đăng kí chào bán 6.931.863 cổ phiếu với giá bán 15.000 VND/cổ phiếu. Kết thúc đợt chào bán, đến ngày 05 tháng 3 năm 2019, Công ty đã phát hành được 6.756.896 cổ phiếu, tương ứng 101.353.440.000 VND.

Ngoài sự kiện nêu trên không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngự

Lê Văn Tuấn

